TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2018
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hà Thị Thúy** và bà **Nguyễn Thị Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 373/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị H**, sinh năm 1992; HKTT và cư trú tại: Thôn NK, xã QT, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn *(chị H có mặt tại phiên tòa)*.

Bị đơn: Anh **Dương Quảng T**, sinh năm 1982; HKTT và cư trú tại: Số nhà 409 LTN, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn là chị Lưu Thị H trình bày: Chị và anh Dương Quảng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường LTN, thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2014. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại 409 LTN, phường LTN, thành phố Hải Dương, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được thời gian khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nảy sinh bất đồng quan điểm trong cách sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xô sát cãi vã. Cuối tháng 8 năm 2017 chị đã chủ động bỏ về nhà đẻ và không còn chung sống với anh T nữa. Nay chị H xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được mục đích và không còn điều kiện để cải thiện nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 07/6/2014. Hiện con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định

trong cuộc sống sinh hoạt cho con chung, mặt khác hiện tại chị chưa có công việc và thu nhập ổn định nên không đảm bảo việc chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nếu anh T có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung, không có công sức chung trong thời gian ở chung cùng gia đình anh T nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai anh Dương Quảng T trình bày: Anh và chị Lưu Thị H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường LTN, thành phố Hải Dương. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng thời gian 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, nảy sinh nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô sát cãi vã. Cho đến thời điểm chị H xin ly hôn vợ chồng đã ly thân nhau thời gian 11 tháng và chị H đã bỏ về nhà đẻ ở Bắc Kạn sinh sống, vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Chị H khởi kiện xin ly hôn, anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh nhất trí thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, anh T cho rằng không muốn gặp mặt chị H nên không đến Tòa án để làm việc.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 07/6/2014. Con chung đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung, không có công sức chung trong thời gian sống chung cùng gia đình anh nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên toà:

Chị Lưu Thị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Anh Dương Quảng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T thể hiện quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn; đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, công sức chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án thành phố Hải Dương đã cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Dương Quảng T theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 175 và Khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cách sống, nên thường xuyên xảy ra xô sát cãi vã. Về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn đều được anh chị thừa nhận và đều thống nhất thuận tình ly hôn. Việc các đương sự cùng thừa nhận là chứng cứ không phải chứng minh. Mặt khác trên thực tế anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và không có biện pháp để cải thiện, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H và anh T đều xác định con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đều xác định để ổn định cuộc sống của con chung và hiện tại chị H không có công việc và thu nhập ổn định nên chị H đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con chung trên thực tế nên chấp nhận sự tự nguyện của anh chị giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không có công sức chung nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 175, Khoản 2 Điều 177, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí Tòa án, nghị quyết 326 của Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị H và anh Dương Quảng T.

- Chấp nhận cho anh Dương Quảng T được nuôi dưỡng cháu là Dương Minh Q, sinh ngày 07/6/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. - Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh T xác định không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Dương Quảng T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, anh T đã thể hiện quan điểm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường LTN, thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2014. Do trong quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều quan điểm bất đồng trong sinh hoạt cũng như cách sống dẫn tới thường xuyên xảy ra xô sát cãi vã. Đến tháng 8 năm 2017, chị H bỏ về nhà đẻ sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn đều được chị H và anh T thừa nhận và xác định nên đây là chứng cứ không phải chứng minh. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, thời gian mâu thuẫn diễn ra đã lâu nhưng các bên không có biện pháp và điều kiện để cải thiện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được mục đích. Vì vậy, chị Lưu Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Dương Quảng T là có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 07/6/2014. Chị H và anh T đều xác định con chung hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H xác định để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung và hiện tại chị chưa có công việc và thu nhập ổn định nên chị đề nghị giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng. Anh T nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khi ly hôn do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị H và anh Dương Quảng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Minh Q, sinh ngày 07/6/2014 cho anh Dương Quảng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lưu Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002438 ngày 02/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(chị H đã nộp đủ án phí)*.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường LTN, TPHD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền